

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T1  
TỈNH T2**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 28/12/2023  
(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa  
chị B2 và anh B1)

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Đồng Ngọc Huyền**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Phạm Mã siêu**.
2. Ông **Vũ Văn Quảng**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Minh B2**, sinh năm 1988 (chị B2 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn RT, xã TP, huyện T1, tỉnh T2.

- Bị đơn: Anh **Tạ Văn B1**, sinh năm 1983 (anh B1 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn RT, xã TP, huyện T1, tỉnh T2.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình hòa giải, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Minh B2 trình bày:*

Chị và anh **Tạ Văn B1**, sinh năm 1983, có địa chỉ tại thôn RT, xã TP, huyện T1, tỉnh T2 tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện T1, tỉnh T2 vào ngày 04/12/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Tạ Văn B1**.

Về con chung, chị và anh B1 có 02 con chung là **Tạ Thu H**, sinh ngày 28/9/2010; con chung **Tạ Khánh Th**, sinh ngày 12/6/2014. Ly hôn chị đồng ý để cho anh B1 nuôi

cả hai con chung và anh B1 không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B1. Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

*Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết, bị đơn là anh Tạ Văn B1 trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị Minh B2 tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện T1, tỉnh T2 vào ngày 04/12/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Bản thân anh B1 không tin tưởng sự chung thủy của vợ. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay. Nay chị B2 xin ly hôn, anh B1 xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung, anh và chị B2 có 02 con chung là Tạ Thu H, sinh ngày 28/9/2010; con chung Tạ Khánh Th, sinh ngày 12/6/2014. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và anh B1 không yêu cầu chị B2 cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B1. Về tài sản chung, nợ chung: Anh B1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Tại phiên công khai chứng cứ, hòa giải ngày 05/12/2023, chị B2 có mặt, anh B1 vắng mặt không có lý do. Ngày 28/12/2023, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, chị B2 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B1 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải quyết tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Minh B2 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Tạ Văn B1 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị B2 và anh B1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh B2 và anh Tạ Văn B1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ yêu cầu giải quyết ly hôn của chị B2 cung cấp phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án nên xác định: Sau khi đăng ký kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Điều này chứng tỏ tình cảm giữa anh, chị không còn, hôn nhân không thể hàn gắn, thực tế hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn

nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh B2, xử cho chị được ly hôn anh Tạ Văn B1 là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Minh B2 và anh Tạ Văn B1 có 02 con chung là Tạ Thu H, sinh ngày 28/9/2010; con chung Tạ Khánh Th, sinh ngày 12/6/2014. Hiện con chung đang ở cùng bố, ly hôn anh B1 có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, chị B2 đồng ý để anh B1 nuôi cả hai con, mặt khác cháu Tạ Thu H và Tạ Khánh Th có đơn đề nghị được ở cùng bố. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét cần giao cho anh B1 được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Tạ Thu H, sinh ngày 28/9/2010; con chung Tạ Khánh Th, sinh ngày 12/6/2014. Anh B1 không yêu cầu chị B2 cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh; chị B2 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh B2 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án:

### **1. Về quan hệ hôn nhân:**

Xử cho chị Nguyễn Thị Minh B2 được ly hôn anh Tạ Văn B1.

**2. Về con chung:** Giao cho anh Tạ Văn B1 được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Tạ Thu H, sinh ngày 28/9/2010; con chung Tạ Khánh Th, sinh ngày 12/6/2014. Anh B1 không yêu cầu chị B2 cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Chị B2 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Không đặt ra giải quyết.

**4. Về án phí:** Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Minh B2 phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị B2 đã nộp theo Biên lai số 0002416 ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T2, chị Nguyễn Thị Minh B2 đã nộp đủ án phí.

**5. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án./.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND xã TP ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đồng Ngọc Huyền**

